

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2017/HSST  
Ngày: 25/9/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Đức Dũng
2. Bà Đặng Thị Lan Anh

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lành Thị Thanh Nụ - C, n bé Toạ , n nhơn đon thạnh phè L<sup>1</sup>ng S-n, tñnh L<sup>1</sup>ng S-n.

§1i diõn Viõn kióm s, t nhơn đon thạnh phè L<sup>1</sup>ng S-n, tñnh L<sup>1</sup>ng S-n: Ông Lộc Văn Hưng - Kióm s, t vi<sup>a</sup>n.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn N (tên gọi khác: Nguyễn B); sinh ngày: 30/5/1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện G, thành phố H. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; con ông: Nguyễn T (đã chết) và bà Nguyễn B (đã chết); chồng: Nguyễn V, sinh năm 1977; có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006; tiền sự: Không. tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2017 đến ngày 14/7/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lãnh. Có mặt.

2. Phạm T; sinh ngày: 07/5/1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện G, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Phạm Đ, sinh năm 1957 và bà Nguyễn H, sinh năm 1956; chồng: Nguyễn T, sinh năm 1976; có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; tiền sự: Không. tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2017 đến ngày 29/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lãnh. Có mặt.

**NHẬN THẤY:**

Bị cáo Nguyễn N và Phạm T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 26/5/2017 Tổ công tác Công an thành phố L làm nhiệm vụ tại ngã tư P, xã H, thành phố L đã kiểm tra xe gắn máy 3 bánh do anh Ngô Văn T điều khiển. Qua kiểm tra phát hiện trên xe chở hàng hóa nhập lậu và pháo nổ thành phẩm. Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 bao tải dứa bên ngoài mặt bao ghi chữ “Bích” được khâu bằng dây dứa màu xanh, có các tấm thảm trải giường bọc các thùng pháo nổ, loại pháo tròn giống quả lựu đạn và một số hàng hóa khác.

Tại cơ quan điều tra anh Ngô Văn T khai: là người vận chuyển thuê hàng hóa lấy tiền cước, 04 bao tải dứa bên trong chứa pháo nổ là hàng của chị Nông Thị O, trú tại: số 3A/13, đường N, phường Đ, thành phố L. Theo thỏa thuận anh Ngô Văn T vận chuyển hàng từ thị trấn Đ về giao cho chị Nông Thị U, trú tại: Bản V, xã H, thành phố L.

Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai của chị Nông Thị O xác định: Ngày 25/5/2017, chị Nông Thị O nhận vận chuyển 06 bao hàng cho người tên là “B” từ kho 69, chợ L, Trung Quốc về thị xã T, tỉnh Bắc Ninh với giá 10.000đ/kg. Sau khi nhận lời vận chuyển, chị Nông Thị O đã gọi điện thoại cho anh Hoàng Văn H, trú tại: thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn bảo anh Hoàng Văn H vận chuyển 06 bao hàng của người có tên là “Bích” về giao tại kho của chị Đặng Thị L tại tổ 9, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Lời khai của anh Hoàng Đình H: Sau khi được chị Nông Thị O thuê vận chuyển 06 bao hàng của người có tên là “B”, anh đã đi đến kho số 69 chợ Lũng Vài, Trung Quốc hỏi thì được chủ hàng chỉ 06 bao hàng đã được khâu buộc kín, anh dùng bút dạ ghi chữ “B” ở ngoài vỏ bao để không nhầm lẫn trong quá trình vận chuyển. Sau đó anh đã thuê người vận chuyển đến khu vực giáp biên giới Việt Nam – Trung Quốc rồi giao cho chị gái là chị Hoàng Thị T tiếp tục thuê người vận chuyển về kho của chị Đặng Thị L.

Lời khai của chị Đặng Thị L: Sau khi nhận 06 bao hàng của chị Nông Thị O, khoảng 22 giờ ngày 25/5/2017 chị đã giao 02 bao hàng về kho trước cho chồng là Nông Văn T vận chuyển về giao cho chị Nông Thị U ở thôn Bản V, xã H, thành phố L, còn 04 bao hàng về sau chị giao cho anh Ngô Văn T vận chuyển về cho chị Nông Thị U trên đường đi thì bị lực lượng Công an kiểm tra thu giữ.

Lời khai của chị Nông Thị U: Sau khi nhận 02 bao hàng của chị Nông Thị O, do chị Đặng Thị L cho người vận chuyển từ thị trấn Đ về, khoảng 06 giờ ngày 26/5/2017 chị đã giao 02 bao hàng cho em trai là Nông Thanh S vận chuyển về thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để giao cho người tên T để T giao cho chủ hàng.

Trên cơ sở lời khai của những người có liên quan, Công an thành phố L đã phối hợp với Công an thị xã T tiến hành kiểm tra xe ô tô BKS 29C-345.... do ông Vương Đ điều khiển, qua kiểm tra phát hiện trên xe chở 02 bao tải dứa, bên ngoài bao ghi chữ “B”, bên trong 02 bao tải dứa đều chứa pháo nổ. Trong quá trình kiểm tra có hai người phụ nữ đến nhận là chủ của 02 bao hàng. Cơ quan điều tra đã đưa người cùng tang vật về Công an thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để làm rõ. Tại Công an thị xã T, tỉnh Bắc Ninh qua kiểm tra 02 bao tải hàng hóa bên ngoài bao có ghi chữ “B”, được khâu bằng dây dứa màu đỏ, bên trong mỗi bao có 02 thùng cactong chứa pháo nổ và 12 tấm thảm trải giường dùng để bọc các thùng pháo. Qua xác minh, xác định hai người phụ nữ là chủ

của 02 bao hàng là Nguyễn N (tên gọi khác là Nguyễn B) và Phạm T cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện G, thành phố H.

Tại biên bản xác định trọng lượng, chủng loại pháo ngày 27/5/2017 đã xác định: 02 bao tải hàng hóa chứa 04 thùng bìa cactong có diện 30cm x 60cm x 25cm bên trong mỗi thùng có 40 túi nilon, bên trong mỗi túi có 12 quả pháo hình lựu đạn gắn dây cháy chậm, tổng cộng có 1920 quả pháo. Tổng trọng lượng là 80kg pháo nổ thành phẩm do Trung Quốc sản xuất.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn N và Phạm T khai nhận: Từ tháng 4 năm 2017 Nguyễn N (B) nhận vận chuyển hàng hóa thuê từ chợ L, Trung Quốc về thị xã T tỉnh Bắc Ninh cho một người phụ nữ tên là H với giá 12.000đ/kg. Trong quá trình vận chuyển hàng hóa Nguyễn N nảy sinh ý định mua pháo nổ từ Trung Quốc về bán kiếm lời. Ngày 21/5/2017 Nguyễn N nói chuyện với Phạm T (là cháu của N) về việc có ý định mua pháo nổ về bán kiếm lời. Qua nói chuyện Phạm T đã nhờ Nguyễn N mua hộ mình 02 thùng pháo và được Nguyễn N đồng ý, hẹn Phạm T khi nào nhờ được người mua pháo sẽ gọi cho Phạm T sau. Sau khi nhờ được người mua hộ pháo, bị cáo Nguyễn N đã gọi điện cho Phạm T bảo mang tiền đến để đi mua pháo. Sau khi nhận được điện thoại của Nguyễn N ngày 24/5/2017, Phạm T đã đưa cho Nguyễn N 2.950.000 đồng để mua 02 thùng pháo và 06 tấm thảm trải giường để bọc các thùng pháo.

Khoảng 14 giờ ngày 24/5/2017, Nguyễn N gọi điện cho người tên là H nhờ H mua hộ 04 thùng pháo nổ loại pháo hình tròn (trong đó 02 thùng của Nguyễn N và 02 thùng của Phạm T) được H đồng ý và cho biết giá mỗi thùng pháo là 1.025.000 đồng. Sáng 25/5/2017 Nguyễn N gửi 5.900.000 đồng theo xe khách lên thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để giao cho H mua pháo và thảm trải giường để bọc các thùng pháo. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, H gọi điện báo cho Nguyễn N biết đã mua được pháo và đã đóng vào 02 bao tải dứa, mỗi bao 02 thùng và bao được khâu bằng dây dứa màu đỏ, còn 04 bao hàng tạp hóa của H được khâu bằng dây dứa màu xanh. Tất cả 06 bao được gửi tại kho 69, chợ L, Trung Quốc và H nói với Nguyễn N vận chuyển 04 hàng tạp hóa của H về thị xã T sẽ có người đến nhận.

Sau đó Nguyễn N gọi điện thoại cho chị Nông Thị O, thuê vận chuyển 06 bao hàng (trong đó có 02 bao pháo nổ của Nguyễn N) về thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Chị Nông Thị O nhận lời và đã thuê người vận chuyển số hàng trên về Việt Nam, trong quá trình vận chuyển đã bị lực lượng Công an bắt giữ như đã tóm tắt ở phần trên.

Tại bản cáo trạng số 157/KSĐT ngày 05 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn N (B) về tội “Buôn lậu” theo điểm đ, khoản 2 Điều 153 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Phạm T về tội “Buôn lậu” theo điểm a, khoản 1 Điều 153 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn N (B) và Phạm T phạm tội "Buôn lậu". Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 153; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn N từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 153; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều

53; Điều 60 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Xác nhận Cơ quan điều tra đã tiêu hủy số lượng pháo bị thu giữ; tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia thu giữ của Nguyễn N và Phạm T. Tịch thu tiêu hủy: 12 tấm thảm trải giường; Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn N và Phạm T nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt vì lý do gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân các bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo cần có thời gian điều trị.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

## XÉT THẤY

Lời khai của các bị cáo Nguyễn N và Phạm T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 26/5/2017 Công an thành phố L phối hợp với Công an thị xã T, tỉnh Bắc Ninh tiến hành kiểm tra xe ô tô BKS 29C-345.... do ông Vương Đ điều khiển, qua kiểm tra phát hiện trên xe chở 02 bao tải dưa, bên ngoài bao ghi chữ “B”. Trong quá trình kiểm tra có hai người phụ nữ đến nhận là chủ của 02 bao hàng. Qua xác minh, xác định hai người phụ nữ là chủ của 02 bao hàng là Nguyễn N (tên gọi khác là B) và Phạm T.

Tại Công an thị xã T, tỉnh Bắc Ninh qua kiểm tra 02 bao tải hàng bên ngoài bao có ghi chữ “B” được khâu bằng dây dưa màu đỏ, bên trong mỗi bao có 02 thùng cactong chứa pháo nổ và 12 tấm thảm trải giường dùng để bọc các thùng pháo nổ. Tại biên bản xác định trọng lượng, chủng loại pháo ngày 27/5/2017 đã xác định: 02 bao tải hàng hóa chứa 04 thùng bìa cactong có diện 30cm x 60cm x 25cm bên trong mỗi thùng có 40 túi nilon, bên trong mỗi túi có 12 quả pháo hình lựu đạn gắn dây cháy chậm, tổng cộng có 1920 quả pháo. Tổng trọng lượng là 80kg pháo nổ thành phẩm do Trung Quốc sản xuất.

Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số: 06/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25/12/2008 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ và thuốc pháo thì tại điểm b mục 1 phần III quy định: “*Người nào mua bán trái phép qua biên giới pháo nổ, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Buôn lậu quy định tại Điều 153 Bộ luật hình sự*” và tại điểm 2.3, mục 2 phần III của Thông tư trên quy định: “*Người nào mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái*

*phép pháo nổ có số lượng từ 10kg đến dưới 50kg (được coi là số lượng lớn)... thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 tương ứng của Điều 153 Bộ luật hình sự”; mục 2.4 quy định: “Người nào mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép pháo nổ có số lượng từ 50 kg đến dưới 150 kg (được coi là số lượng rất lớn) thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 tương ứng của Điều 153, Bộ luật hình sự”*

Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Nguyễn N và Phạm T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn N đã phạm tội "*Buôn lậu* " theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 153 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm T đã phạm tội "*Buôn lậu* " theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 153 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đi ngược lại đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các hành vi sản xuất, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển, đốt pháo trái phép hiện nay vẫn diễn ra phức tạp đặc biệt là trong các dịp lễ hội, tết Nguyên Đán. Nếu không được phát hiện, ngăn chặn kịp thời thì có thể gây ra những hậu quả đối với sức khỏe, tính mạng, tài sản của nhân dân và gây ảnh xấu tới tình hình an ninh trật tự. Do vậy, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều hình thức tuyên truyền vận động nhân dân không tham gia buôn bán, tàng trữ, vận chuyển, đốt pháo nổ. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và hám lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích kiếm lời. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật, nhằm mục đích giáo dục các bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời để đấu tranh phòng ngừa đối với loại tội phạm này.

Đây là một vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó. Để cá thể hoá hình phạt, có mức án thỏa đáng đối với các bị cáo cần phải xem xét đến vai trò và nhân thân của từng bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn N là người khởi xướng việc mua pháo nổ về để bán kiếm lời, là người chủ động liên lạc với người tên là H để mua pháo cho mình và giữ vai trò chính trong quá trình vận chuyển pháo từ Trung Quốc về Việt Nam để giao cho mình; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự;

- Bị cáo Phạm T đã tích cực cùng Nguyễn N thực hiện hành vi phạm tội; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự;

*Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:*

Các bị cáo Nguyễn N và Phạm T: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải về việc làm của bản thân, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị

cáo Phạm T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra theo kết luận của cơ quan chuyên môn: Bị cáo Nguyễn N đang được chẩn đoán suy tim độ III, tăng huyết áp, cần có thời gian điều trị, kiểm tra y tế thường xuyên tại các cơ sở y tế. Bị cáo Phạm T được chẩn đoán tăng huyết áp, nhịp tim nhanh, hen suyễn, viêm khớp vai phải, cần có thời gian điều trị, kiểm tra y tế thường xuyên tại các cơ sở y tế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

*Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:* Không có.

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn N và Phạm T có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử thấy không cần bắt hai bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, không cần cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho hai bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao hai bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Để từ đó các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với những người thực sự ăn năn hối cải.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị này là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Hiện vật chứng chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/9/2017 gồm có: 02 điện thoại di động Nokia và 12 tấm thảm trải giường.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với 02 điện thoại di động Nokia thu giữ của các bị cáo, đây là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước;

Đối với 12 tấm thảm trải giường là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với số pháo nổ thành phẩm đã thu giữ trong vụ án. Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn đã tổ chức tiêu hủy theo quy định.

Đối với 160kg pháo nổ thành phẩm thu giữ ngày 26/5/2017 do chưa xác định được chủ sở hữu của số pháo trên Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn đã tách ra, khi nào xác định được chủ sở hữu của số pháo trên sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người phụ nữ tên là H, là người đã mua pháo cho Nguyễn N và Phạm T. Do N không biết cụ thể lai lịch, địa chỉ của H nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với chị Nông Thị O, anh Hoàng Đình H, chị Nông Thị U, chị Hoàng Thị T, chị Đặng Thị L, anh Nông Văn T, anh Ngô Văn T, anh Nông Thanh S, chị Đỗ Thị T và ông Vương Đ là những người vận chuyển hàng hóa thuê, không biết đã vận chuyển số hàng hóa trên là pháo nổ, Cơ quan điều tra Công an thành phố L không xử lý trong vụ án.

Đối với chiếc xe ô tô, biển kiểm soát 29C-34... do ông Vương Đ điều khiển chở 02 bao pháo cho Nguyễn N và Phạm T, qua điều tra xác định ông Vương Đ không biết hàng hóa mình nhận vận chuyển là hàng cấm, Cơ quan điều tra Công an thành phố L đã trả lại chiếc xe ô tô cho ông Vương Đ.

Đối với số hàng hóa còn lại và chiếc xe gắn máy ba bánh của anh Ngô Văn T, Công an thành phố L đã xử lý riêng về hành vi vận chuyển hàng nhập lậu.

Hội đồng xét xử thấy việc xử lý của Cơ quan điều tra Công an thành phố L là phù hợp với quy định của pháp luật, nên không đề cập xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn N (B) và Phạm T phạm tội "Buôn lậu".

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 153; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn N 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2017). Giao bị cáo Nguyễn N cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, thành phố H để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 153; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Phạm T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2017). Giao bị cáo Phạm T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, thành phố H để giám sát và giáo dục trong

thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a, khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, đen, số IMEI:355481/05/02238218 và 01 điện thoại di động Nokia màu đen số IMEI 1: 3564/06/72672813, IMEI 2: 356474/06/72672911.

Tịch thu để tiêu hủy: 12 (mười hai) tấm thảm trải giường.

*(Tang vật trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05 tháng 9 năm 2017.*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn N và Phạm T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSNDTP Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn;
- CCTHADS TP Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**  
(Đã ký)

**Hoàng Văn Duy**